TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HƯNG YÊN** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/ HNGĐ - ST
Ngày 23/8/2023
"*V/v Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà: Ông **Nguyễn Đăng Khuê**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1**. Ông **Vũ Văn Hạnh**

2. Ông **Vũ Văn Xuyên**

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2023/TLST - HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự.

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị H, sinh năm 1977; Nơi thường trú: Số A, đường B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Số A, đường T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có đơn xin vắng mặt)

2. ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1976

HKTT: Đội 12, tổ dân phố N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. (xin vắng mặt)

3. ***Những người tham gia tố tụng khác:***

- Bà Đoàn Thị U, sinh năm 1949; Nơi cư trú: Đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. (vắng mặt)

- Anh Phạm Văn D, sinh năm 1969; HKTT: P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trung K tự tìm hiểu và quen biết nhau rồi yêu nhau. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên ngày 01/02/2018. Sau khi vợ chồng đăng ký kết hôn xong

chị về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống còn anh K vẫn ở tại nhà ở H, thành phố H. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau được khoảng hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh chị không ở cùng nhau, mỗi người sống một nơi. Cứ khoảng vài tháng hai anh chị mới gặp nhau một lần. Ngoài ra trong cuộc sống vợ chồng chị và anh K có quan điểm và suy nghĩa khác nhau nên cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Việc mâu thuẫn kéo dài đến tháng 9 năm 2019 thì anh chị chính thức ly thân nhau. Trong thời gian ly thân, hai vợ chồng kinh tế độc lập, không ai quan tâm tới ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên cho chị được ly hôn anh K để chị sớm ổn định cuộc sống.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh, chị không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung, công nợ*; *công sức; ruộng canh tác*: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại đơn đề nghị anh Nguyễn Trung K trình bày:*

Anh là chồng của chị Trần Thị H, sinh năm 1977; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, đường B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số A, đường T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Anh biết được việc chị Trần Thị H xin ly hôn với anh. Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 65/2023/TB - TLVA ngày 01/6/2023. Do anh đi làm theo công trình ít khi có mặt tại địa phương. Anh đồng ý để Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên giải quyết vụ việc của anh và chị H. Về quan hệ hôn nhân, anh K trình bày, anh và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên ngày 01/02/2018. Quá trình chung sống do hoàn cảnh gia đình anh, chị sống xa nhau mỗi người một nơi, do vợ chồng ở cách nhau về khoảng cách địa lý, mặt khác trong cuộc sống vợ chồng anh, chị không hợp nhau. Tuy nhiên anh cho rằng những mâu thuẫn của anh chị nhỏ nhặt không nghiêm trọng có thể giải quyết được, anh đề nghị Tòa án cho anh chị được hòa giải về sống chung với nhau vì anh vẫn còn tình cảm với vợ.

Về con chung: Anh xác định anh chị không có con chung.

Về tài sản chung; công nợ; *công sức; ruộng canh tác*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại Công an phường và UBND phường L cung cấp: Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1976, có HKTT: Đội 12, tổ dân phố N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, hiện đang sống cùng nhà anh K có cháu Nguyễn Phát Đ, cháu Nguyễn Trung Q, bà Đoàn Thị U là mẹ đẻ anh K và anh Nguyễn Mạnh H1. Anh K và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên vào ngày 01/02/2018.

Người làm chứng: Anh Phạm Văn D (anh con nhà bác ruột của chị H), anh biết hiện nay chị H đang làm thủ tục ly hôn anh K tại Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên. Anh xác định năm 2018 chị H có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Trung K tại UBND phường H, N, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Sau đó anh nghe

mọi người nói chuyện, vợ chồng anh K và chị H sau khi kết hôn mỗi người sống nơi, chị H sống và làm việc tại thành phố V, còn anh K vẫn sống tại Hưng Yên. Về mâu thuẫn vợ chồng anh K và chị H cụ thể như thế nào anh không rõ. Anh có nghe chị H nói lại, hai vợ chồng chị H sau khi kết hôn sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng sống mỗi người một nơi, ít gặp nhau. Hiện hai vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2019. Về con chung của hai vợ chồng anh K và chị H không có con chung. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh K, quan điểm của anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng: Bà Đoàn Thị U (mẹ ruột anh K, mẹ chồng của chị H) trình bày bà được biết chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trung K trước khi kết hôn hai người có thời gian tự do tìm hiểu quen biết nhau qua mạng xã hội sau đó đăng ký kết hôn ngày 01/02/2018 tại UBND phường H, N, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn chị H vào miền N trước, một thời gian sau anh K vào miền N sinh sống cùng chị H. Giữa chị H và anh K có mâu thuẫn do chị H thường xuyên ghen tuông. Nguyên nhân một phần do anh, chị không sống cùng nhà, anh K không quan tâm đến vợ nên chị H chán nản. Đầu năm 2023 chị H có nói với bà về việc ly hôn với anh K, bà có khuyên vợ chồng chị H cố gắng tha thứ, hàn gắn để vợ chồng chung sống nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn với anh K. Nay chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh K, quan điểm của bà không muốn các con ly hôn. Bà có gọi điện cho anh K để khuyên anh K nhưng anh K nói chị H kiên quyết ly hôn thì để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh K và chị H không có con chung; Về tài sản chung, công nợ: Anh K, chị H không có tài sản chung, công nợ gì. Các văn bản giấy tờ của Tòa án, bà nhận thay anh K và thông báo cho anh K biết nội dung.

Tại phiên toà hôm nay: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trung K đều có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm thể hiện tại văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trung K.

- *Về con chung*: Anh K, chị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự thống nhất không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về tố tụng*: Chị Trần Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Trung K có HKTT: Đội 12, tổ dân phố N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023. Tại phiên tòa chị H và anh K đều có đơn xin vắng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên vào ngày 01/02/2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/2018. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng hai tháng thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không sống cùng nhau, mỗi người một nơi, cứ khoảng vài tháng hai anh chị mới gặp nhau một lần. Ngoài ra trong cuộc sống vợ chồng anh chị có quan điểm và suy nghĩa khác nhau nên cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đỉnh điểm của mâu thuẫn tháng 9 năm 2019 thì anh chị chính thức ly thân nhau. Trong thời gian ly thân, hai vợ chồng kinh tế độc lập, không ai quan tâm tới ai. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định để tiến hành hòa giải để hai anh chị đoàn tụ. Tuy nhiên quá trình làm việc chị H và anh K đều có đơn đề nghị Tòa án cho phép anh, chị vắng mặt. Anh K xác định vợ chồng anh, chị có mâu thuẫn, mỗi người ở một nơi, không thường xuyên ở cùng nhau, điều này phù hợp với lời khai của chị H và của bà U. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, quy định vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Bản thân anh K và chị H mỗi người sống một nơi, quan điểm sống khác nhau trong một thời gian dài hai bên không ai quan tâm tới ai, không có tiếng nói chung, hai bên đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Anh K xin đoàn tụ nhưng lại không đến Tòa án để trình bày quan điểm. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tại phiên toà.

[3]. *Về con chung*: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ nần*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về án phí:* Chị Trần Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Quan điểm, đề nghị của đại diện VKSND thành phố Hưng Yên tại phiên tòa về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56 và 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trung K.

- *Về con chung:* Chị H và anh K không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001477 ngày 31/5/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- *Quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;*
- *VKS + THA TP;*
- *UBND phường Hiến Nam;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đăng Khuê